TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 10/2022/DS-GĐT
Ngày: 25/02/2022
V/v: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và nhà ở.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam.

Các thành viên: Ông Thái Duy Nhiệm.

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Minh Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đào Trọng Thuyết - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm vụ án "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và nhà ở" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1932;

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1937;

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1942;

Cùng cư trú tại: Thôn Th, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

4. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1935; cư trú tại: Tổ dân phố số 6, phường Tr, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

5. Bà Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm 1944; cư trú tại: Tổ 41, phường Gi, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn là ông Trịnh Quang L, sinh năm 1958; cư trú tại: Thôn Th, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1949; cư trú tại: Thôn Th, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D có Luật sư Ong Thị Thanh, Văn phòng luật sư V, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Trịnh Quang L, sinh năm 1958;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L có Luật sư Vũ Văn X, Công ty TNHH H, chi nhánh Bắc Ninh.

2. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1960;

3. Ông Trịnh Quang S;

4. Anh Trịnh Quang Đ, sinh năm 1971;

5. Chị Lê Thị Gi, sinh năm 1976;

6. Anh Trần Quang T1, sinh năm 1973;

7. Anh Trần Quốc D1, sinh năm 1977;

Cùng cư trú tại: Thôn Th, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

8. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D1.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Ngọc Đức, Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bố mẹ các bà là cụ Nguyễn Bá T2 (chết năm 1972, không để lại di chúc) và cụ Trịnh Thị S1 (chết năm 1992) có 06 người con gồm bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Ch và bà Nguyễn Thị D.

Cụ T2 và cụ S1 có tài sản Ch gồm quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35, diện tích 193,8m^2 và tài sản trên đất (nhà 04 gian diện tích 54,96m^2) tại thôn Th, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Năm 1972 cụ T2 chết không để lại di chúc.

Năm 1984, được sự đồng ý của cụ S1, vợ chồng bà Nguyễn Thị K, ông Trịnh Quang S xây căn nhà cấp 4 có diện tích 44m^2 (tính cả phần văng). Ngôi nhà này vợ chồng bà K, ông S cho vợ chồng anh Trịnh Quang L, chị Nguyễn Thị Nh sử dụng đến năm 1994. Sau đó, vợ chồng anh Trịnh Quang Đ và chị Lê Thị Gi sử

dụng ngôi nhà từ năm 1994 đến nay. Ngoài ra trên thửa đất còn có một số tài sản khác nhưng các bà không đề nghị xem xét.

Ngày 31/3/1986, cụ S1 lập văn bản giao nhà đất ở cho 06 người con, văn bản được Ủy ban nhân dân xã V chứng thực ngày 03/4/1986, với nội dung:

1. Giao ngôi nhà và công trình phụ cho 06 người con để làm nhà thờ cúng tổ tiên họp gia đình khi giỗ tết mà không cho riêng con nào.

2. Cả 06 người con cùng có trách nhiệm giữ gìn, không ai được mua bán đổi chác.

3. Phần đất đã cho người con lớn là bà Nguyễn Thị K và chồng là Trịnh Quang S làm 04 gian nhà về nguyên tắc cũng không được mua bán đổi chác.

4. Khi phải tu sửa ngôi nhà thì người con lớn phải tập hợp ý kiến của 06 chị em.

5. Khi cần thiết khai báo theo yêu cầu của nhà nước thì người con lớn (bà K) chịu trách nhiệm.

6. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào không con cháu nào được bán mảnh đất này.

Ngày 15/01/1987, cụ S1 lập "Giấy sang tên đất và nhà; Đơn di chúc" với nội dung để lại 04 gian nhà ngói cùng toàn bộ thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35, diện tích 193,8m^2 cho bà Nguyễn Thị D. Di chúc được Ủy ban nhân dân xã V xác nhận ngày 20/01/1992.

Ngày 31/12/2014, Uỷ ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 307738, số vào sổ cấp GCN CH 00291 đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Th, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang cho riêng bà Nguyễn Thị D.

Các đồng nguyên đơn cho rằng Bản di chúc lập năm 1987 không hợp pháp vì các lý do sau: Tiêu đề ghi "Giấy sang tên đất và nhà ở" nhưng có chèn lên thêm dòng "Đơn di chúc"; người viết di chúc và những người làm chứng đều là các con cháu trong nhà không thể hiện được tính khách quan.Về mốc thời gian: Di chúc lập năm 1987 nhưng đến năm 1992 mới được thôn, xã xác nhận. Sơ đồ vẽ trong di chúc và nội dung di chúc không đề cập đến căn nhà bà K, ông S xây dựng năm 1984. Di chúc của cụ S1 định đoạt cả phần đất đã cho bà K và ông S xây nhà năm 1984.

Các nguyên đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Th, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 31/12/2014 cho bà Nguyễn Thị D. Chia đều di sản do cụ S1 và cụ T2 để lại gồm quyền sử dụng đất của thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35, diện tích 193,8m^2 và tài sản trên đất là nhà 04 gian diện tích 54,96m^2 tại thôn Th, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang cho 06 người con theo quy định của pháp luật. Các nguyên đơn thống nhất thỏa thuận đề nghị giao cho bà K được hưởng cả phần thừa kế tài sản của bà C, bà T, bà Th, bà Ch. Đề nghị giao phần đất được chia có ngôi nhà của vợ chồng bà K, ông S cho bà K được quyền sử dụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 31/12/2014 cho bà Nguyễn Thị D. Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn cũng phải chịu chi phí tố tụng và phải trả lại cho bà K một phần tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. Nguyên đơn không yêu cầu trích chia công sức và xem xét các tài sản khác trên đất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Nguyễn Bá T2 và cụ Trịnh Thị S1 có 06 người con và có thửa đất diện tích 193,8m^2 và căn nhà cấp 04 diện tích khoảng hơn 50m^2 tại thôn Th, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang như các nguyên đơn trình bày là đúng.

Năm 1984, cụ S1 cho vợ chồng bà K, ông S xây nhà cho vợ chồng anh L, chị Nh ở nhờ chứ không cho đất. Bà không biết việc cụ S1 viết văn bản giao nhà đất ở cho các con vào ngày 31/3/1986.

Năm 1987 cụ S1 đã viết di chúc để lại cho bà được hưởng toàn bộ di sản gồm 05 gian nhà diện tích 54,96m^2 và 193,8m^2 đất trên thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Th, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Thời điểm cụ S1 làm di chúc sức khỏe tốt, tinh thần tỉnh táo minh mẫn. Khi lập di chúc có bà Nguyễn Thị Y viết di chúc, bà Nguyễn Bá M, ông Nguyễn C Tùy làm chứng, hiện ông T và bà M đã chết, chỉ còn bà Y hiện sinh sống ở Ph, Đ, T, Bắc Ninh. Sau đó, cụ S1 đã nhiều lần đến Uỷ ban nhân dân xã V để xin xác nhận vào di chúc nhưng không được vì Uỷ ban nhân dân xã cho rằng trước đó đã có Bản di chúc năm 1986. Cụ S1 đã đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên để đề nghị xem xét tính hợp pháp của Bản di chúc năm 1987. Đến năm 1992 Uỷ ban nhân dân xã V đã xác nhận vào Bản di chúc năm 1987 của cụ S1. Theo bà D Bản di chúc năm 1987 là hợp pháp, thời điểm đó cụ S1 toàn quyền quyết định đối với tài sản của cụ S1 và cụ T2. Năm 2014 Ủy ban nhân dân huyện V đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 93 cho bà. Bà không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Năm 1994 bà sửa lại căn nhà do cụ T2 và cụ S1 để lại nhưng không xác định được chi phí hết bao nhiêu tiền; bà sửa lại căn bếp cũ để anh D1 con trai bà sử dụng. Nhà bếp ở đầu ngõ giáp nhà anh Đ, chị Gi đang sử dụng cũng do bà xây dựng. Gạch lát sân là của bà, cổng, tường bao do bà xây, anh L là người lát sân. Việc sửa nhà là trách nhiệm của người làm con, bà không yêu cầu trích chia công sức. Sân, cổng, tường bao giá trị không lớn nên bà không yêu cầu giải quyết.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết gì liên quan đến quyền lợi của mình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 04/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chia cho bà Nguyễn Thị K được quyền thừa kế quyền sử dụng phần diện tích 69,2m^2 đất thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 ở thôn Th, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang, trị giá 346.000.000 đồng. Có cạnh giáp ngõ dài 7,55m kéo sâu vào trong thửa đất dài 9,16m, có tứ cận: Cạnh AB dài 7,55m, cạnh BC dài 9,16m, cạnh CD dài 7,55m, cạnh DA dài 9,16m. Trên đất có căn nhà cấp 04 diện tích 39,39m^2 do bà Nguyễn Thị K và ông Trịnh Quang S xây dựng năm 1984 và một phần căn bếp do bà Nguyễn Thị D xây năm 1997. Bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm trích trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 2.653.440 đồng giá trị căn bếp do bà D xây năm 1997 nằm trên phần đất của bà K được chia.

Chia cho bà Nguyễn Thị K được hưởng thừa kế một phần quyền sở hữu nhà của cụ Nguyễn Bá T2 và cụ Trịnh Thị S1, được trích chia bằng tiền trị giá 12.342.500 đồng.

Chia cho bà Nguyễn Thị D được thừa kế quyền sử dụng phần đất diện tích 124,4m^2 còn lại của thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Thổ Hà, xã Việt Hà, huyện V, tỉnh Bắc Giang trị giá 622.000.000 đồng. Trên đất có căn nhà cấp 04 diện tích 54,96m^2 do cụ Nguyễn Bá T2 và cụ Trịnh Thị S1 xây và 01 căn nhà (cải tạo từ căn bếp diện tích 13,76m^2 do bà D xây năm 2001).

Chia cho bà Nguyễn Thị D được hưởng thừa kế một phần quyền sở hữu căn nhà của cụ Nguyễn Bá T2 và cụ Trịnh Thị S1 trị giá 22.216.340 đồng. Phần thừa kế quyền sở hữu nhà của bà D được nhận bằng hiện vật là căn nhà diện tích 54,96m^2. Bà Nguyễn Thị D phải trích chia cho bà Nguyễn Thị K số tiền chênh lệch từ việc bà D được nhận quyền sở hữu nhà bằng hiện vật là 12.342.500 đồng.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 307738, số vào sổ cấp GCN CH 00291, cấp ngày 31/12/2014 đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Th, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang của Ủy ban nhân dân huyện V.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, định giá, án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà D và anh T1 làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 06/2021/DS-PT ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang quyết định: Sửa Bản án sơ thẩm.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng thửa đất có diện tích 193,8m^2 và quyền sở hữu ngôi nhà cấp bốn trên đất có diện tích 54,96m^2 tại thôn Th, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Giao cho bà D được quản lý, sử dụng thửa đất diện tích 193,8m^2; quyền sở hữu ngôi nhà cấp bốn trên đất có diện tích 54,96m^2 và ngôi nhà cấp bốn xây

năm 1984 có diện tích 39,39m^2 tại thôn Th, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Nhưng buộc bà D phải có trách nhiệm trả cho bà K (do ông L đại diện) trị giá ngôi nhà xây năm 1984 là 24.768.432 đồng.

Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BX 307738 và số vào sổ CH 00291 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2014 cho bà Nguyễn Thị D.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 307738, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00291, cấp ngày 31/12/2014 đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Th, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang của Ủy ban nhân dân huyện V.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, trách nhiệm do chậm thi hành án.

Sau khi xét xử phúc thẩm, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xem xét lại Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 66/2021/KN-DS ngày 03/12/2021, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 06/2021/DS-PT ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 06/2021/DS-PT ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 04/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Cụ Nguyễn Bá T2 và cụ Trịnh Thị S1 có 06 người con là bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Kim Ch và bà Nguyễn Thị D. Trong quá trình Ch sống, cụ T2 và cụ S1 ở tại ngôi nhà gỗ trên thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc nhà đất do cha ông để lại. Năm 1972, cụ Nguyễn Bá T2 chết, không để lại di chúc. Năm 1975 cụ S1 bán ngôi nhà gỗ và xây dựng mới ngôi nhà ngói 4 gian có diện tích 54,96m^2 và một số công trình phụ khác. Năm 1984, được sự đồng ý của cụ S1 thì vợ chồng bà Nguyễn Thị K và ông Trịnh Quang S xây căn nhà cấp 4 có diện tích khoảng 39,39 m^2; sau đó vợ chồng ông S, bà K cho vợ chồng anh Trịnh Quang L, rồi vợ chồng anh Trịnh Quang Đ quản lý, sử dụng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận quyền sử dụng thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Th, xã V, huyện V, Bắc Giang diện tích 193,8 m^2 là tài sản Ch của cụ S1 và cụ T2 là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm xác định toàn bộ quyền sử dụng đất là di sản của cụ S1 là không đúng pháp luật.

[2] Ngày 31/3/1986, cụ S1 lập "Văn bản giao nhà đất ở cho con", có Ủy ban nhân dân xã V chứng thực ngày 03/4/1986, có nội dung: nhà đất làm nơi thờ cúng tổ tiên.

Ngày 15/01/1987 cụ S1 lập "Đơn di chúc, Giấy sang tên đất và nhà ở" có nội dung để lại 4 gian nhà ngói cùng toàn bộ thửa đất diện tích 193,8m^2 đất cho bà Nguyễn Thị D được toàn quyền sở hữu để thờ cúng tổ tiên. Di chúc được Trưởng thôn Th xác nhận ngày 20/01/1992. Ủy ban nhân dân xã V xác nhận nhưng không ghi ngày, tháng, năm xác nhận.

Ngày 31/12/2014 Ủy ban nhân dân huyện V đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BX 307738 và số vào sổ CH 00291 cho bà Nguyễn Thị D đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Th, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang diện tích 193,8 m^2.

Các nguyên đơn yêu cầu chia đều tài sản của cụ T2 và cụ S1 để lại gồm ngôi nhà 04 gian và 193,8 m^2 đất nêu trên, yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà D (tại phiên tòa sơ thẩm thì các nguyên đơn rút yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đã cấp cho bà D).

Bị đơn là bà Nguyễn Thị D không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu được hưởng toàn bộ di sản theo di chúc năm 1987 của cụ S1.

Về "Đơn di chúc, Giấy sang tên đất và nhà ở" đề ngày 15/1/1987 thì các nguyên đơn không công nhận là hợp pháp và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Bị đơn yêu cầu chia thừa kế theo tài liệu này.

Xét thấy văn bản có tiêu đề "Đơn di chúc, Giấy sang tên đất và nhà ở" ngày 15/01/1987 thể hiện nội dung: cụ S1 *"chính thức sang tên cho con gái út của chúng tôi là Nguyễn Thị D từ nay có toàn quyền sở hữu để thờ cúng tổ tiên và chăm sóc tôi cho hết đời"*.Văn bản này do bà Nguyễn Thị Yến là cháu dâu viết hộ, có 03 người làm chứng là Nguyễn Bá Mai, Nguyễn Công Tùy và Nguyễn Thị Xê, có điểm chỉ dưới mục "Người làm đơn điểm chỉ", có xác nhận của Trưởng thôn Th ghi ngày 20/01/1992 và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V nhưng không ghi ngày tháng năm. Do ba người làm chứng là Nguyễn Bá M, Nguyễn Công T và Nguyễn Thị X đều đã chết, nên Tòa án các cấp không lấy được lời khai. Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Y ngày 25/6/2020 thì bà Y khai: cụ S1 có nhờ bà Y viết hộ di chúc vào thời gian bà Y không nhớ. Về nội dung của Di chúc thì: *"cụ S1 để lại cho bà Nguyễn Thị*

D con gái út của cụ tài sản của cụ S1 là nhà đất của cụ để cô D trông nom, thờ cúng sau này".

Ngoài các tài liệu trên thì tại "Đơn đề nghị" đứng tên là Trịnh Thị S1 gửi Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên ngày 7/3/1987 thì có nội dung: *"Nay tôi sang tên cho con gái tôi là D được toàn quyền sử dụng và trông nom (nhà và đất) nêu trên để thờ cúng tổ tiên"* (đơn này Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên chuyển cho Ủy ban nhân dân xã V 03/04/1987).

Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định văn bản "Đơn di chúc, Giấy sang tên đất và nhà ở" ngày 15/01/1987 nêu trên là di chúc của cụ S1 để lại toàn bộ nhà đất cho bà D là chưa đủ căn cứ vì nội dung như đã phân tích trên thì chưa rõ cụ S1 để lại cho bà D toàn bộ nhà đất để sở hữu, sử dụng hay chỉ giao cho trông nom để thờ cúng. Đồng thời không rõ cụ S1 có biết chữ hay không? Có đúng ý chí của cụ S1 hay không? Vì chưa có tài liệu nào thể hiện sau khi bà Y viết hộ văn bản nêu trên thì bà Y đã đọc cho cụ S1 nghe hoặc cụ S1 đã đọc và cụ S1 công nhận đúng ý chí của cụ S1 (những người làm chứng cũng không xác nhận nội dung này). Khi chưa thu thập chứng cứ để làm rõ các nội dung nêu trên, mà Tòa án cấp phúc thẩm xác định văn bản có tiêu đề "Đơn di chúc, Giấy sang tên đất và nhà ở" ngày 15/01/1987 có hiệu lực pháp luật và có nội dung là cụ S1 tặng cho toàn bộ nhà đất cho bà D là chưa đủ căn cứ.

[3] Ngoài ra, tại "Đơn khởi kiện" ngày 20/6/2018 các nguyên đơn có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 307738, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00291, cấp ngày 31/12/2014 đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 35 tại thôn Th, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang của Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên cấp cho bà Nguyễn Thị D, nên lẽ ra Tòa án nhân dân huyện Việt Yên phải làm thủ tục chuyển đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý, giải quyết sơ thẩm mới đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337, Điều 342, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 66/2021/KN-DS ngày 03/12/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 06/2021/DS-PT ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 04/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giữa nguyên đơn là các bà Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị T,

Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Kim Ch với bị đơn là bà Nguyễn Thị D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDCC tại Hà Nội (để báo cáo);
- VKSNDCC tại Hà Nội (để biết);
- TAND tỉnh Bắc Giang (kèm hồ sơ vụ án);
- Chi cục THADS huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, Phòng HCTP, Phòng GĐKTIII, HSGĐT.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Nam